

DANH SÁCH THI TỐT NGHIỆP MÔN THỰC HÀNH
NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
Tháng 06/2026

| STT | SBD | Họ | Tên | Lớp | Ghi chú |
|-------------------------|-----|------------------|--------|-----------|-------------|
| NHÓM 1 (FO, HKP) | | | | | |
| 1 | 001 | Trần Ngọc | Tú | CĐKS27N29 | |
| 2 | 002 | Đoàn Quốc | Vũ | CĐKS29N01 | |
| 3 | 003 | Trần Thị Kim | Ngọc | CĐKS29N03 | |
| 4 | 004 | Nguyễn Lê Minh | Tiến | CĐKS29N05 | |
| 5 | 005 | Châu Lê Văn | Phát | CĐKS29N08 | |
| 6 | 006 | Trịnh Đức Việt | Hoàng | CĐKS29N12 | |
| 7 | 007 | Nguyễn Sỹ Kiến | Đạt | CĐKS29N14 | |
| 8 | 008 | Thạch Đoàn | Dương | CĐKS30N04 | |
| 9 | 009 | Nguyễn Hoàng | Phúc | CĐKS30N04 | |
| 10 | 010 | Lê Dương Trúc | Phương | CDKS30N08 | |
| 11 | 011 | Đặng Thanh | Ngân | CĐKS30N04 | |
| 12 | 012 | Huỳnh Phi | Đạt | CĐKS30N05 | Chi thi HKP |
| 13 | 013 | Trần Thị Kim | Tuyền | CĐKS30N05 | |
| 14 | 014 | Trần Văn | Vũ | CDKS30N07 | |
| 15 | 015 | Đỗ Minh | Thư | CĐKS28N09 | Chi thi FO |
| 16 | 016 | Nguyễn Trung | Trực | CĐKS29N03 | |
| 17 | 017 | Tô Thị Phương | Lan | CĐKS29N05 | |
| 18 | 018 | Nguyễn Hữu | Phát | CĐKS29N06 | |
| 19 | 019 | Phạm Xuân | Cương | CĐKS30N02 | |
| 20 | 020 | Võ Thị Ngân | Huệ | CĐKS30N03 | |
| 21 | 021 | Tô Hoa | Phượng | CĐKS30N03 | |
| NHÓM 2 (FO) | | | | | |
| 1 | 022 | Phạm Thị Kiều | Sương | CĐKS30N03 | Chi thi FO |
| 2 | 023 | Nguyễn Ngọc | Trình | CĐKS30N03 | |
| 3 | 024 | Nguyễn Ngọc Kim | Tuyền | CĐKS30N03 | |
| 4 | 025 | Phạm Thành | Danh | CĐKS30N04 | |
| 5 | 026 | Nguyễn Thị Tú | Hào | CĐKS30N04 | |
| 6 | 027 | Võ Quang | Huy | CĐKS30N04 | |
| 7 | 028 | Hoàng Thị Nguyệt | Nhi | CĐKS30N04 | |
| 8 | 029 | Trần Tịnh Chánh | Phúc | CĐKS30N04 | |
| 9 | 030 | Dương Ngọc | Quỳnh | CĐKS30N04 | |
| 10 | 031 | Nguyễn Thị Cẩm | Tiên | CĐKS30N04 | |
| 11 | 032 | Huỳnh Phi | Đạt | CĐKS30N05 | |
| 12 | 033 | Trần Thị Kim | Tuyền | CĐKS30N05 | |
| 13 | 034 | Trần Văn | Vũ | CDKS30N07 | |
| 14 | 035 | Đinh Hoàng Hồng | Ngọc | CDKS30N08 | |
| 15 | 036 | Nguyễn Thanh | Vĩ | CDKS30N08 | |
| 16 | 037 | Võ Thị Kim | Hồng | CDKS30N09 | |
| 17 | 038 | Nguyễn Tuấn | Long | CDKS30N09 | |

DANH SÁCH THI TỐT NGHIỆP MÔN THỰC HÀNH
NGÀNH QUẢN TRỊ KHÁCH SẠN
Tháng 06/2026

| STT | SBD | Họ | Tên | Lớp | Ghi chú |
|-------------------------|-----|-----------------|--------|-----------|-------------|
| NHÓM 3 (F&B) | | | | | |
| 1 | 039 | Trần Ngọc | Tú | CĐKS27N29 | Chi thi F&B |
| 2 | 040 | Đoàn Quốc | Vũ | CĐKS29N01 | |
| 3 | 041 | Trần Thị Kim | Ngọc | CĐKS29N03 | |
| 4 | 042 | Nguyễn Lê Minh | Tiến | CĐKS29N05 | |
| 5 | 043 | Châu Lê Văn | Phát | CĐKS29N08 | |
| 6 | 044 | Trịnh Đức Việt | Hoàng | CĐKS29N12 | |
| 7 | 045 | Nguyễn Sỹ Kiến | Đạt | CĐKS29N14 | |
| 8 | 046 | Thạch Đoàn | Dương | CĐKS30N04 | |
| 9 | 047 | Nguyễn Hoàng | Phúc | CĐKS30N04 | |
| 10 | 048 | Lê Dương Trúc | Phương | CDKS30N08 | |
| 11 | 049 | Huỳnh Phi | Đạt | CĐKS30N05 | |
| 12 | 050 | Trần Thị Kim | Tuyền | CĐKS30N05 | |
| 13 | 051 | Trần Văn | Vũ | CDKS30N07 | |
| 14 | 052 | Đặng Thanh | Ngân | CĐKS30N04 | |
| NHÓM 4 (F&B) | | | | | |
| 1 | 053 | Võ Thị Bích | Hạnh | CĐKS29N13 | Chi thi F&B |
| 2 | 054 | Nguyễn Thị Tú | Hào | CĐKS30N04 | |
| 3 | 051 | Phạm Huỳnh Đoan | Kiên | CĐKS30N04 | |
| 4 | 053 | Phan Viết | Ngọc | CĐKS30N04 | |
| 5 | 054 | Trần Tịnh Chánh | Phúc | CĐKS30N04 | |
| 6 | 053 | Nguyễn Thị Cẩm | Tiên | CĐKS30N04 | |
| 7 | 054 | Lâm Kiều | Ngân | CDKS30N06 | |
| 8 | 051 | Nguyễn Thị Ngọc | Mai | CDKS30N08 | |
| 9 | 053 | Nguyễn Thị Kiều | Nhi | CDKS30N08 | |
| 10 | 054 | Đình Hoàng Hồng | Ngọc | CDKS30N08 | |